

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 709/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-11-2023
V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Tạ Công Minh

2/ Ông Trần Công Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phục – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 595/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Lê Thị Diễm T**, sinh năm: 1981

Địa chỉ: ấp ĐH, xã ST, huyện CT, tỉnh TG.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị Tuyết N – Văn phòng Luật sư HV - Đoàn Luật sư tỉnh TG.

- Bị đơn: **Phạm Quốc V**, sinh năm: 1980

Địa chỉ: ấp ĐH, xã ST, huyện CT, tỉnh TG.

(Chị T, anh V và Luật sư có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Diễm T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Phạm Quốc V tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ST, huyện CT, tỉnh TG. Vợ chồng chung sống khá hạnh phúc, đến năm 2017 anh V hay nhậu nhẹt về kiếm chuyện đập phá hết đồ đạc trong nhà. Từ đó đến nay anh V vẫn không thay đổi, thường xuyên nhậu nhẹt về chửi mắng vợ con, đập phá đồ đạc trong nhà. Vì con nên chị T cố gắng nhẫn nhịn. Đến nay các con cũng đã lớn, nhận thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng chính thức không còn sống chung nhà từ ngày 20/10/2023 cho đến nay. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Quốc V.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Phạm Ánh N, sinh ngày 09/8/2008, Phạm Thảo Q, sinh ngày 06/02/2013 và Phạm Bảo A, sinh ngày 07/7/2018. Hiện 03 con đang sống cùng chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi ba con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Phạm Quốc V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh V thống nhất lời trình bày của chị T về thời gian, điều kiện kết hôn. Từ khi kết hôn đến hiện tại vợ chồng chung sống ở quê vợ. Cuộc sống hạnh phúc đến thời điểm cách nay khoảng 03 tháng thì chị T bắt đầu kiếm chuyện, thu dọn đồ dùng cá nhân của anh V bỏ ngoài không cho anh V vào nhà ở. Vợ chồng đã không còn sống cùng nhà từ ngày 20/10/2023 cho đến nay. Anh V thừa nhận có nhậu nhẹt, về đập phá đồ đạc như những hình ảnh chị T cung cấp cho Tòa án nhưng anh V không hề đánh đập vợ con. Nay anh V không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Phạm Ánh N, sinh ngày 09/8/2008; Phạm Thảo Q, sinh ngày 06/02/2013 và Phạm Bảo A, sinh ngày 07/7/2018. Hiện 03 con đang sống cùng chị T. Trường hợp Tòa cho ly hôn anh V đồng ý để chị T được nuôi hai cháu N và cháu Q. Anh V yêu cầu được nuôi cháu Bảo A. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu.
- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa bị đơn anh Phạm Quốc V trình bày: Trường hợp Tòa án cho ly hôn, anh V đồng ý giao 03 con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh V không cấp dưỡng nuôi con.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Chị Lê Thị Diễm T và anh Lê Quốc V kết hôn năm 2007, có 03 con chung tên Phạm Ánh N, sinh ngày 09/8/2008; Phạm Thảo Q, sinh ngày 06/02/2013 và Phạm Bảo A, sinh ngày 07/7/2018, hiện các cháu đang sống với chị T. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thể hiện anh V không quan tâm và không biết các con học trường nào, chi phí học tập ra sao, không tạo cho các con môi trường sống trong lành mà thường xuyên bạo hành vợ con. Về điều kiện nuôi con: Chị T có đủ điều kiện nuôi con, có cửa hàng buôn bán tạo thu nhập, là người trực tiếp chăm sóc 03 cháu nên các cháu có những cử chỉ gần gũi với chị T. Trong quá trình chung sống chị T không có hành vi đánh đập, ngược đãi con chung, trong khi đó anh V thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn không kiểm soát được hành vi của mình nên tạo cho các cháu tâm lý sợ hãi khi thấy anh V. Do đó, để bảo vệ các cháu đề nghị Hội đồng xét xử giao 03 cháu Phạm Ánh N, Phạm Thảo Q và Phạm Bảo A cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng, nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định. Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Diễm T.

- Về con chung: Giao ba cháu Phạm Ánh N, sinh ngày 09/8/2008, Phạm Thảo Q, sinh ngày 06/02/2013 và Phạm Bảo A, sinh ngày 07/7/2018 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không có yêu cầu.

- Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết và nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] – Về nội dung yêu cầu: Chị Lê Thị Diễm T yêu cầu ly hôn với anh Phạm Quốc V. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Chị T và anh V xác lập hôn nhân vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là tuân thủ đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

[1.2] Xét thấy, trong quá trình chung sống giữa chị T và anh V đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Tại phiên tòa anh V cũng thừa nhận do tính chất đặc thù công việc nên anh V có uống rượu, lúc say xin anh về nhà cũng có đập phá đồ đạc. Chị T và anh V thống nhất vợ chồng đã không còn sống cùng nhà từ ngày 20/10/2023 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng cũng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn. Từ đó nhận thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh V đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối với bị đơn anh Phạm Quốc V không đồng ý ly hôn với chị T nhưng anh V không đưa ra được biện pháp để vợ chồng hàn gắn, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.3] Về con chung: Chị T và anh V có 03 con chung tên Phạm Ánh N, sinh ngày 09/8/2008, Phạm Thảo Q, sinh ngày 06/02/2013 và Phạm Bảo A, sinh ngày 07/7/2018. Xét thấy, cả 03 con chung hiện đang sống cùng chị T, được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo, đồng thời nguyện vọng của cháu N và cháu Q là muốn được sống cùng chị T. Do đó, để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt cho các cháu, tránh làm xáo trộn môi trường sống và học tập của các cháu, Hội đồng xét xử

xét thấy cần tiếp tục giao 03 cháu N, cháu Q và cháu A cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là có cơ sở.

[1.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[1.5] Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Xét đề nghị của Kiểm sát viên và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] **Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Diễm T.

- Chị Lê Thị Diễm Trang được ly hôn với anh Phạm Quốc V.

2/ Về con chung: Giao ba cháu Phạm Ánh N, sinh ngày 09/8/2008; Phạm Thảo Q, sinh ngày 06/02/2013 và Phạm Bảo A, sinh ngày 07/7/2018 cho chị Lê Thị Diễm T tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Phạm Quốc V được quyền đến thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con; Không có yêu cầu.

3/ Về án phí: Chị Lê Thị Diễm T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006597 ngày 13/10/2023 của Chi

cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Song Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Chinh